

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **4449**/UBND-CNXD

V/v xin ý kiến về chủ trương
đầu tư dự án Thủy điện
Sơn Trà 1C

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày **26** tháng 7 năm 2017

TRUNG TÂM CÔNG ĐĂNG & TIN HỌC Q. NGÃI

CV
ĐẾN

Số:.....	6.6.7.1
Ngày.....	27.7.17
Chuyết:.....	Công ty

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Công ty Cổ phần 30 - 4 Quảng Ngãi (gọi tắt là Nhà đầu tư) có địa chỉ tại Lô N1.1-14, Khu đô thị An Phú Sinh, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đề xuất đầu tư dự án Thủy điện Sơn Trà 1C (gọi tắt là Dự án) tại xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà và xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 28/4/2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức cuộc họp và có Kết luận số 271-KL/TU ngày 28/4/2017 về việc bổ sung dự án vào Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi; được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án vào quy hoạch thủy điện nhỏ tại Quyết định số 2022/QĐ-BCT ngày 06/6/2017. Nhà đầu tư đã hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất dự án và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định; theo kết quả thẩm định, dự án phù hợp với quy hoạch thủy điện nhỏ của tỉnh Quảng Ngãi; dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được chính quyền và nhân dân các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, các sở, ngành đồng thuận; khi dự án đi vào hoạt động sẽ góp phần cung ứng một phần về năng lượng điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, tạo công ăn việc làm cho người dân tại địa phương, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng như đóng góp vào nguồn thu ngân sách nhà nước cho tỉnh nhà.

Thực hiện Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy số 04/QC-TU ngày 05/12/2016, UBND tỉnh kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về một số nội dung chính của dự án, cụ thể như sau:

- Tên dự án đầu tư:** Dự án thủy điện Sơn Trà 1C.
- Mục tiêu dự án:** Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Quy mô của dự án:**
 - Công suất thiết kế:
 - Công suất lắp máy: 9MW.
 - Số tổ máy: n = 01 tổ máy.
 - Điện lượng bình quân hàng năm: 33,54 triệu KWh.
 - Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

c) Các hạng mục đầu tư chính: Hồ chứa, nhà máy thủy điện, tuyến áp lực (cống dẫn dòng - xả cát và đập tràn), tuyến năng lượng (gồm kênh dẫn vào, cửa lấy nước, nhà máy thủy điện hờ bố trí ngang đập, 01 tuốc bin Bulb, kênh xả và máy biến áp 10,5 KV).

d) Các thông số kỹ thuật chính (*cụ thể tại Phụ lục số 1 kèm theo*).

4. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà và xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 71,05 ha (sẽ được chuẩn xác trong quá trình thẩm định nhu cầu sử dụng đất).

6. Tổng vốn đầu tư: 312.482,5 triệu đồng.

Nguồn vốn như sau:

+ Vốn góp: 93.750.000.000 đồng (chiếm 30% tổng vốn đầu tư);

+ Vốn vay: 218.732.529.000 đồng (chiếm 70% tổng vốn đầu tư).

7. Thời hạn hoạt động: 50 (*năm mươi*) năm kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Khởi công dự án: quý II/2018;

- Hoàn thành thi công toàn bộ dự án: quý III/2020.

9. Công nghệ và thiết bị

- Về công nghệ:

+ Tên công nghệ: Thiết bị đồng bộ nhà máy thủy điện.

+ Xuất xứ công nghệ, thiết bị tuốc bin, máy phát tiêu chuẩn G7 sản xuất ở Ấn Độ hoặc Trung Quốc.

+ Sơ đồ quy trình công nghệ, thiết bị thủy điện: bao gồm tuốc bin thủy lực, điều tốc, kích từ, máy phát điện, máy biến áp, thiết bị điện, đo lường, bảo vệ, thiết bị phụ như hệ thống khí nén, áp lực, nước kỹ thuật, thông gió,...

+ Dự án sử dụng công nghệ với chất lượng cao theo yêu cầu hệ thống điện quốc gia, đảm bảo mức độ tự động hóa khi vận hành thiết bị ở mức hiện đại và cao nhất. Thiết bị công nghệ đều là mới, phù hợp với trình độ phát triển công nghệ tiên tiến của các nước trên thế giới.

- Về thiết bị: Dự án bao gồm các thiết bị như sau: thiết bị thủy lực chính (gồm: tuốc bin với hệ thống điều khiển, máy phát và hệ thống kích từ tạo thành tổ máy chính), thiết bị thủy lực phụ (các hệ thống đảm bảo hoạt động bình thường của các tổ máy và thiết bị năng lượng khác như: cấp nước kỹ thuật, cấp dầu, cấp khí nén, bơm làm khô phần dẫn dòng tổ máy, bơm tiêu nước rò rỉ từ các tổ máy bơm,...), thiết bị cơ khí thủy công (các khe van, cửa van, lưới chắn rác, thiết bị nâng hạ,...), thiết bị kỹ thuật điện, thiết bị kỹ thuật vệ sinh môi trường,.... để triển khai thực hiện và vận hành dự án sau khi hoàn thành.

10. Nhu cầu về lao động của dự án: khoảng 166 người phục vụ xây dựng công trình, khi đi vào vận hành sử dụng khoảng 20 người.

11. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

a) Về ưu đãi đầu tư

Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (năng lượng tái tạo) và đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Sơn Hà và huyện Sơn Tây) nên được hưởng các ưu đãi như sau:

- *Về thuế thu nhập doanh nghiệp:* Căn cứ pháp lý: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ; khoản 16 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

- *Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:* theo quy định của pháp luật hiện hành.

- *Về tiền thuê đất:* Căn cứ pháp lý: điểm c khoản 1, Điều 5 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

b) Về hỗ trợ đầu tư: Dự án được hỗ trợ chi phí đào tạo lao động theo quy định tại Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của UBND tỉnh Quy định về chính sách ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi.

12. Về năng lực tài chính

Tổng mức vốn đầu tư của dự án là 312.482.500.000 đồng (*giá trị trước thuế là 287.555.200.000 đồng, thuế VAT là 24.927.300.000 đồng*); trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư là 93.750.000.000 đồng (chiếm 30% tổng mức đầu tư); vốn vay là 218.732.529.000 đồng (chiếm 70% tổng vốn đầu tư).

+ Về vốn chủ sở hữu: Qua 2 lần họp Đại Hội đồng cổ đông và ban hành 02 Nghị quyết: số 11/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/6/2017 và số 13/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/6/2017 thì giá trị cổ phiếu phát hành thêm là 93.750.000.000 đồng, chào bán cho 02 tổ chức là Công ty Cổ phần Đạt Phương và Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thủy điện góp số vốn là 69.843.750.000 đồng (tương ứng 74,5% tổng vốn góp) và 12 cá nhân tham gia góp vốn với số vốn là 23.906.250.000 đồng (tương ứng 25,5% tổng vốn góp); thời điểm phát hành tăng vốn điều lệ theo tiến độ dự án.

+ Về vốn vay: Dự án đã được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 tại TP Hồ Chí Minh chấp thuận chủ trương tài trợ vốn. Đề nghị Nhà đầu tư phải gửi Hợp đồng tín dụng trước khi khởi công để chứng minh đã thu xếp được nguồn vốn đầu tư.

13. Ký quỹ dự án

Nhà đầu tư phải ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 2, Điều 42 Luật Đầu tư và Khoản 3, Điều 27 của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, với mức 3% đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng và

2% đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng. Vị trí thực hiện dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và lĩnh vực đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư nên được giảm 50% tiền ký quỹ. Sau khi được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, việc ký quỹ sẽ thực hiện trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (theo Khoản 2, Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP) trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư và Nhà đầu tư.

14. Tóm lại

Dự án thủy điện Sơn Trà 1C được các sở, ngành, địa phương đồng thuận, thống nhất cao; các thông số kỹ thuật chính của dự án cơ bản không thay đổi so với số liệu được UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 1271/UBND-CN XD ngày 13/3/2017 và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất tại Kết luận số 271-KL/TU ngày 28/4/2017 về việc bổ sung dự án thủy điện Sơn Trà 1C vào Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi; dự án được đầu tư trên sông Đăk Sê Lô, nối tiếp với dự án thủy điện Sơn Trà 1A và 1B, tổng diện tích chiếm đất của dự án khoảng 71,05 ha, chủ yếu là đất mặt nước sông suối và bãi bồi ven sông, không tổ chức di dân tái định cư, không ảnh hưởng đến đất lúa, đất rừng phòng hộ. Dự án đầu tư hoàn thành góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng điện ngày càng tăng, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo (trong đó, có các dự án thủy điện); dự án tạo công ăn việc làm cho người dân tại địa phương, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

(Chi tiết có hồ sơ dự án kèm theo).

Kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- UBND các huyện: Sơn Hà, Sơn Tây;
- Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD (trung360)

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng

PHỤ LỤC 1
CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH CỦA DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 6444/UBND-CNXD ngày 26/7/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Trị số
I	Các đặc trưng lưu vực		
1	Diện tích lưu vực	Km ²	516
2	Chiều dài sông chính	Km	54,16
3	Lưu lượng trung bình nhiều năm (Q ₀)	m ³ /s	33
4	Tổng lượng dòng chảy TB nhiều năm	10 ⁶ m ³	846
II	Hồ chứa		
1	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	Km ²	0,37
2	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	85
3	Mực nước chết (MNC)	m	84,2
4	Mực nước hồ ứng với lũ kiểm tra P=0,2%	m	101,56
5	Mực nước hồ ứng với lũ thiết kế P=1%	m	98,06
6	Dung tích toàn bộ (W _{tb})	10 ⁶ m ³	2,11
7	Dung tích hữu ích (W _{hi})	10 ⁶ m ³	0,32
8	Dung tích chết (W _c)	10 ⁶ m ³	1,79
III	Lưu lượng qua nhà máy		
1	Lưu lượng lớn nhất Q _{max}	m ³ /s	100,9
2	Lưu lượng nhỏ nhất Q _{min}	m ³ /s	30,5
IV	Cột nước nhà máy		
1	Cột nước lớn nhất (H _{max})	m	12,9
2	Cột nước nhỏ nhất (H _{min})	m	6
3	Cột nước tính toán (H _{tt})	m	10
V	Mực nước hạ lưu nhà máy		
1	MNHL max ứng với lũ KT (P=0,2%)	m	97,01
2	MNHL max ứng với lũ TK (P=1%)	m	93,64

3	MNHL làm việc với Q_{max} 1 tổ máy	m	74
4	MNHL làm việc với Q_{min}	m	71,85
VI	Nhà máy thủy điện		
1	Lưu lượng nhỏ nhất (Q_{min})	m^3/s	30,5
2	Lưu lượng lớn nhất (Q_{max})	m^3/s	100,9
3	Cột nước lớn nhất (H_{max})	m	12,9
4	Cột nước nhỏ nhất (H_{min})	m	6
5	Cột nước tính toán (H_{tt})	m	10